

Đắk Wil, ngày 08 tháng 09 năm 2026

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KHÔI CHÒI
(KẾ HOẠCH LỚP GHEP KHÔI CHÒI (3-4 TUỔI)
NĂM HỌC 2026 – 2027**

Căn cứ thông tư số: 51/2026 TT-BGDĐT Hà nội ngày 30 tháng 06 năm 2026 của BGDDT ban hành. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quy chế tổ chức, hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 49/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 4120/QĐ-UBND. Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng . Ngày 14 tháng 08 năm 2026

Căn cứ vào kế hoạch năm học của trường Mầm Non Đắk Wil

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của khối chồi, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027 như sau:

**MỤC TIÊU GIÁO DỤC, NỘI DUNG GIÁO DỤC TRẺ 4 TUỔI
VỀ CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN**

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I.LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1/Phát triển vận động:	

a)Thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT 1: +3 Tuổi -Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn +4 Tuổi -Thực hiện đúng, đầy đủ , nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	-Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). -Lưng, bụng, lườn: +Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. +Quay sang trái, sang phải. +Nghiêng người sang trái, sang phải. -Chân: +Nhún chân. +Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. +Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
b)Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT 2: +3 Tuổi Giữ được thăng bằng cơ thể, kiểm soát được vận động khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m +4 Tuổi -Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động -Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. -Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	+Đi bằng gót chân, đi khuyu gối,đi lùi(3m) +Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn(3m) +Đi trên ghế thể dục,đầu đội túi cát
MT 3: +3 Tuổi Kiểm soát được vận động: - Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài +4 Tuổi Kiểm soát được vận động Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	+Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh +Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn(ít nhất 3 lần) +Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh +Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn(ít nhất 3 lần) +Chạy chậm 60-80m
MT 4: +3 Tuổi Phối hợp tay - mắt trong vận động: -Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 2,5m) -Tự đập – bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm) +4 Tuổi	+Tung bóng lên cao và bắt bóng +Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn) :bắt được 3 lần liên +Đập và bắt bóng tại chỗ(4-5 lần) +Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m)

Phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung, ném, đập -Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). -Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). -Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp	
MT 5: +3 Tuổi Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp -Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng -Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m) +4 Tuổi Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: -Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. -Ném trúng đích ngang (xa 2 m).	+Chạy 15m trong khoảng 10s +Ném xa bằng 1 tay +Ném xa bằng 2 tay +Ném trúng đích bằng 1 tay +Chuyền ,bắt bóng qua đầu qua chân -Một số bài tập tổng hợp: +Đi theo đường hẹp,trèo lên xuống ghế +Ném xa bằng 1 tay ,chạy nhanh 10m. +Ném xa bằng 2 tay ,chạy nhanh 15m trong khoảng 10 giây.
MT 5.1: +3 Tuổi Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp -Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài +4 Tuổi Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	+Bò bằng bàn tay và bàn chân qua 3-4 m +Bò zíc zắc qua 5 điểm +Bò trong đường zíc zắc (qua 3-4 điểm cách nhau 2 m) không chệch ra ngoài +Bò chui qua cổng 0,6m +Trườn theo hướng thẳng + Bò thấp chui qua cổng +Trèo qua ghế dài 1,5x30cm +Trèo lên xuống 5 dóng thang
MT 5.2: +3 Tuổi -Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp + Bật –Nhảy-Ném +4 Tuổi Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: -Bật xa 35-40cm, bật qua vật cản 10-15cm -Nhảy lò cò 3m	+Bật liên tục về phía trước. +Bật xa 35-40cm +Bật nhảy từ trên cao xuống(30-35cm) +Bật tách khếp chân qua 5 ô +Bật qua vật cản 10-15cm +Nhảy lò cò 3m +Bật xa 35-40cm, ném trúng đích ngang bằng 1 tay..
c)Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt	
MT 6: +3 Tuổi Thực hiện được các vận động: -Cuộn - xoay tròn cổ tay. -Gập, mở, các ngón tay	-Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, -ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nói ...

+4 Tuổi Thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay Gập, mở các ngón tay,	
MT 7: +3 Tuổi Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc +4 Tuổi Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	Vẽ hình người, nhà, cây. Cắt thành thạo theo đường thẳng. Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. Biết tết sợi đôi. Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
2/Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
a) <i>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>	
MT 8: +3 Tuổi Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). -Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... +4 Tuổi -Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau Biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin.	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
MT 9: +3 Tuổi Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: -Rửa tay, lau mặt, súc miệng. -Tháo tất, cởi quần, áo +4 Tuổi Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT 10: +3 Tuổi -Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách +4 Tuổi Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
b) <i>Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>	
MT 11:	Tập đánh răng, lau mặt.

+3 Tuổi Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi +4 Tuổi Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng Đi vệ sinh đúng nơi quy định Tập xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi
MT 12: +3 Tuổi Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: -Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. -Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. +4 Tuổi -Biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người
c) Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 13: +3 Tuổi Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. +4 Tuổi Có một số hành vi tốt trong ăn uống Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... Không uống nước lã.	Rèn trẻ mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Dạy trẻ cách ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... Không uống nước lã.
MT 14: +3 Tuổi -Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở. +4 Tuổi Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi qui định	-Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe -Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể , vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người -Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết -Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết -Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản

d) Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 15: +3 Tuổi Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: -Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... -Không tự lấy thuốc uống. -Không leo trèo bàn ghế, lan can. -Không nghịch các vật sắc nhọn. -Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp +4 Tuổi Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 16: +3 Tuổi Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. +4 Tuổi Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Nhận biết những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.
MT 17: +3 Tuổi -Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. +4 Tuổi Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... Nhận biết thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. Bé sẽ gặp nguy hiểm khi tự ý ra khỏi trường
MT 18: +3 Tuổi -Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng +4 Tuổi - Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và	Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Tên ,địa chỉ số điện thoại người thân khi cần thiết.

gọi người giúp đỡ: -Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. -Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	
II.LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1.Khám phá khoa học:	
a)Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
MT 19: +3 Tuổi - Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. +4 Tuổi - Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...	-Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. -Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. -Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT 20: +3 Tuổi Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng +4 Tuổi Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	-Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. -Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. -Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT20.1: +3 Tuổi Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng +4 tuổi : Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
MT20.2: 3 Tuổi Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng +4 tuổi Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật,	-Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.

hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, ném... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	
MT 21: +3 Tuổi - Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. +4 Tuổi -Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	-Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 22: +3 Tuổi -Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng +4 Tuổi -Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	Nơi thu thập thông tin về các đối tượng: tranh ảnh, internet...
MT 23: +3 Tuổi - Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. +4 Tuổi -Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	-Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. -Phân loại phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. -Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
b) Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT 24: +3 Tuổi -Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi +4 Tuổi Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	Đặc điểm , mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi -Các nguồn nước trong môi trường sống. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. -Một số đặc điểm, tính chất của nước. -Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. -Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 25: 3 Tuổi -Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của	Cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.

sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi +4 Tuổi Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: “Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn”.	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông
c) Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT 26: +3 Tuổi Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. +4 Tuổi -Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. -Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi..
MT 27: +3 Tuổi Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình +4 Tuổi -Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Nhập vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên... Hát các bài hát về cây, con vật... Vẽ, xé, dán, nặn, ghép hình.... cây cối, con vật...
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
a) Nhận biết số đếm, số lượng	
MT 28: +3 Tuổi -Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng +4 Tuổi Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	Làm quen và chơi với các con số
MT29: +3 Tuổi -Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 +4 Tuổi MT 29: Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự ..	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
MT 29.1: +3 Tuổi -. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn +4 Tuổi - MT 29.1: Biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Biết tách một nhóm đối tượng thành	Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 Tách, gộp trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.

hai nhóm nhỏ hơn	
MT 30: +3 Tuổi -Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. +4 Tuổi Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. Biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. -So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 .
MT 31: +3 Tuổi - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. +4 Tuổi Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
b) Sắp xếp theo quy tắc	
MT 32: +3 Tuổi -Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. +4 Tuổi -Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc
c) So sánh hai đối tượng	
MT 33: +3 Tuổi -So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. +4 Tuổi Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. Đo dung tích bằng một đơn vị đo .
d) Nhận biết hình dạng	
MT 34: +3 Tuổi -Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. +4 Tuổi Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...) -Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
e) Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 35: +3 Tuổi - Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

thân. +4 Tuổi -Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	
MT 36: +3 Tuổi - Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. +4 Tuổi Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT 37: +3 Tuổi - Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. +4 Tuổi -Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối
3. Khám phá xã hội	
a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 38: +3 Tuổi -Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện -Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình +4 Tuổi -Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT 39: +3 Tuổi -Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện -Nói được một số đồ dùng trong gia đình +4 Tuổi -Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	-Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. -Một số đồ dùng trong gia đình

b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 40: +3 Tuổi -Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. +4 Tuổi Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến nghề truyền thống	-Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi xem tranh. - Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	
MT 41: +3 Tuổi - Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, Tết cổ truyền...qua trò chuyện, tranh ảnh. +4 Tuổi -Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội . Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1/ Nghe hiểu lời nói	
MT 42: +3 Tuổi -Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. +4 Tuổi Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
MT 43: +3 Tuổi -Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... +4 Tuổi Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ....	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 44: +3 Tuổi - Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. +4 Tuổi -Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	Kể cho trẻ nghe một số truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT 45: +3 Tuổi và +4 Tuổi Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	Cho trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2/Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 46: +3 Tuổi -Nói rõ các tiếng +4 Tuổi Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Tăng cường tiếng việt cho trẻ.	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. Đọc, hiểu một số từ mới theo chủ đề.

MT 47: 3 Tuổi -Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm +4 Tuổi -Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	Cung cấp các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...
MT 48: 3 Tuổi -Sử dụng được câu đơn, câu ghép +4 Tuổi -Sử dụng được câu đơn, câu ghép Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
MT 49: 3 Tuổi -Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim +4 Tuổi Kể lại sự việc theo trình tự.	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT 50: 3 Tuổi +4 Tuổi Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 51: 3 Tuổi - Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn +4 Tuổi -Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	Kể lại truyện đã được nghe.
MT 52: 3 Tuổi -Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện +4 Tuổi -Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch.
MT 53: 3 Tuổi -Sử dụng các từ: “vâng ạ”, “ạ”, “thưa”, ... trong giao tiếp +4 Tuổi Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	Cung cấp các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.
MT 54: 3 Tuổi - Nói đủ nghe, không nói lí nhí +4 Tuổi -Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3/Làm quen với việc đọc – viết	
MT 55: +3 Tuổi - Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

giở sách xem tranh +4 Tuổi Chọn sách để xem.	
MT 56: +3 Tuổi - Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh +4 Tuổi - Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT 57: +3 Tuổi - Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc. +4 Tuổi Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	Tập tô, tập đồ các nét chữ. Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Nhận dạng một số chữ cái Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
MT 58: +4 Tuổi Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 59: +4 Tuổi Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	Một số kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..
IV/LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
1. Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 60: +3 Tuổi - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Nói được điều bé thích, không thích +4 Tuổi - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	Tên, tuổi, giới tính. Sở thích, khả năng của bản thân.
MT 61: +3 Tuổi . Nói được điều bé thích, không thích +4 Tuổi - Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân.
2/Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT 62: +3 Tuổi Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi +4 Tuổi Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Một số đồ chơi, trò chơi phù hợp với trẻ
MT 63: +3 Tuổi - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được	Một số “nhiệm vụ” và cách hoàn thành “nhiệm vụ” của trẻ trên lớp

giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). +4 Tuổi Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 64: +3 Tuổi - Nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. +4 Tuổi -Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh
MT 65: +3 Tuổi -Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. +4 Tuổi -Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT 66: +3 Tuổi -Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. +4 Tuổi -Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	Nhận biết một số hình ảnh về Bác,quê Bác,lăng Bác
MT 67: 3 Tuổi -Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. +4 Tuổi -Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ.
MT 68: +4 Tuổi Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
4/Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 69: +3 Tuổi -Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. +4 Tuổi -Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường
MT 70: +3 Tuổi -Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở +4 Tuổi	Nhận biết cách ứng xử lễ phép,lịch sự trong một số tình huống gần gũi với trẻ

-Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	
MT 71: +3 Tuổi -Chú ý nghe khi cô, bạn nói +4 Tuổi - Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT 72: +3 Tuổi -Cùng chơi với các bạn trong các tr chơi theo nhóm nhỏ. +4 Tuổi -Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Chờ đến lượt, hợp tác.
MT 73: +4 Tuổi -Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	Cách đưa ra ý kiến trao đổi với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung Quan tâm, giúp đỡ bạn
5. Quan tâm đến môi trường	
MT 74: +3 Tuổi -Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. Bỏ rác đúng nơi quy định +4 Tuổi -Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc, không bẻ cành, bứt hoa. Bỏ rác đúng nơi quy định -Bỏ rác đúng nơi quy định -Không bẻ cành, bứt hoa.	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.
MT 75: +4 Tuổi -Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Tiết kiệm điện, nước. Giữ gìn vệ sinh môi trường. Tiết kiệm điện, nước: Tắt khi không sử dụng
V/LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 76: +3 Tuổi -Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng +4 Tuổi -Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 77: +3 Tuổi - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện +4 Tuổi	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).

-Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ; thích nghe và kể câu chuyện	
MT 78: 3 Tuổi -Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. +4 Tuổi -Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc)và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).	
MT 79: +3 Tuổi -Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. +4 Tuổi Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
MT 80: +3 Tuổi - Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). +4 Tuổi Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, phách, tiết tấu chậm ,nhẹ.
MT 81: +3 Tuổi -Biết chọn và tô màu trùng khín, không lem ra ngoài +4 Tuổi Tô màu đều, không lem ra ngoài	Kỹ năng tô màu
MT 82: +3 Tuổi -Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. +4 Tuổi -Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT 83: +3 Tuổi - Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. +4 Tuổi -Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang,	Cách sử dụng kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét và bố cục

cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	
MT 84: +3 Tuổi - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. +4 Tuổi Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng các kĩ năng cắt, xé, dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, bố cục
MT 85: +3 Tuổi Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. +4 Tuổi Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có nhiều chi tiết,
MT 86: +3 Tuổi -Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản +4 Tuổi -Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có hình dáng, màu sắc khác nhau.
MT 87: +3 Tuổi -Nhận xét các sản phẩm tạo hình +4 Tuổi -Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 88: +3 Tuổi -Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. +4 Tuổi -Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu bài hát, bản nhạc. Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
MT 89: +3 Tuổi -Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích +4 Tuổi -Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 90: +3 Tuổi -Đặt tên cho sản phẩm tạo hình +4 Tuổi - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình, đặt tên cho sản phẩm.

GHI CHÚ:Tổng 95 mục tiêu (Trong đó MT PTTC 18 thêm 2 mục tiêu 5.1.5.2.= **20**;PTNT 26; PTNN 16 thêm 2 mục tiêu 29.1.29.2 =**18** ; PTTCXH 16;PTTM 15)

LẬP KẾ HOẠCH

Phó Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Hồng

DUYỆT KẾ HOẠCH



Vũ Thị Luyện